TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69[A]/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Lại Anh Vân.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên;

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn N.G, huyện N.G, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn H1**, sinh năm 1964.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn M.T, xã N.H, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Liên Bang Nga.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bầy: Chị và anh Bùi Văn H1 được tự do tìm hiểu , tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N.H, huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/01/2008. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do gia đình anh H1 quá phức tạp, anh H1 không có quan điểm lập trường sống, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích. Sau khi kết hôn được khoảng 2 tháng, đến tháng 3/2008 anh H1 sang Nga làm ăn.

Chị không ở lại gia đình nhà chồng mà dọn về nhà đẻ ở N.G sinh sống. Tháng 9/2009, anh H1 đón chị sang Nga chung sống. Tuy nhiên thời gian ở Nga vợ chồng cũng thường xuyên cãi nhau và sống ly thân là chủ yếu. Tháng 8/2010 chị bỏ về nước, anh H1 vẫn sống ở Nga nhưng vợ chồng không liên lạc với nhau. Vợ chồng sống ly thân 10 năm, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị H2, sinh ngày 06/12/2010, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Do điều kiện công việc, chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 tại Nga. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần về xác minh tại gia đình anh H1, gia đình xác nhận anh H1 vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh H1 ở Nga và yêu cầu anh H1 gửi lời khai, văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, nhưng gia đình không cung cấp được địa chỉ của anh H1, anh H1 cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị V là em gái anh H1, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị V từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh H1 biết và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của chính quyền địa phương nơi anh H1 sinh sống trước khi xuất cảnh xác định: Anh Bùi Văn H1 kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.H vào ngày 25/01/2008. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn sau đó anh H1 sang Nga lao động và hiện vẫn đang làm ăn, sinh sống ở Nga, trước khi xuất khẩu lao động anh H1 có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn M.T, xã N.H, huyện M. Bố mẹ anh H1 đã chết từ lâu, người thân duy nhất của anh H1 sống tại địa phương là chị Bùi Thị V. Sau khi anh H1 xuất cảnh, chị H không còn sống tại địa phương. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H1, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Văn H1. Về con chung: Giao con Bùi Thị H2, sinh ngày 06/12/2010 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Công văn số 5656/QLXNC-P5 ngày 05/4/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác nhận: anh Bùi Văn H1, sinh năm 1964, địa chỉ thường trú tại: xã N.H, huyện M, tỉnh Hải Dương; đã được Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B1730877 ngày 08/01/2008 (đã hết hạn); có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 03/3/2008 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 tại Nga. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh H1 biết để gửi lời khai về cho Tòa án, nhưng gia đình không cung cấp được và không thực hiện yêu cầu của Tòa án, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.H, huyện M, tỉnh Hải Dương ngày 25/01/2008; đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, anh H1 sang Nga làm ăn từ tháng 3/2008, sau đó tháng 9/2009 anh đón chị H sang Nga đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, tình cảm vợ

chồng không được cải thiện, mâu thuân vẫn thường xuyên xảy ra, vợ chồng sống ly thân là chủ yếu. Tháng 8/2010 chị H bỏ về nước, anh H1 vẫn sống ở Nga. Hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và không có biện pháp gì để tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Về phía anh H1 thỉnh thoảng vẫn liên lạc về nhà nhưng không liên lạc với chị H, bản thân anh cũng không có quan điểm về việc đoàn tụ hay ly hôn. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau…HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Điều đó chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Văn H1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn H1 có 01 con chung là Bùi Thị H2, sinh ngày 06/12/2010, hiện cháu đang ở với mẹ. Xét thấy cháu H2 ở với mẹ từ nhỏ, anh H1 hiện không có mặt tại Việt Nam, để đảm bảo sự phát triển và ổn định cuộc sống của cháu cần tiếp tục giao cháu H2 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Văn H1.

2. Về con chung: Giao con Bùi Thị H2, sinh ngày 06/12/2010 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Bùi Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, gặp gỡ con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006056 ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã N.H, huyện M, tỉnh Hải Dương*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân